TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 20-11-2018
V/v "Ly hôn giữa chị Ch và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cầm Văn Nam
2. Bà Võ Thị Minh Anh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đinh Duy Toàn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Ông Trần Thanh Hoàng- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2018/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Ch**, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm X, thôn Y, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số nhà M, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/06/2018 và các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị Ch trình bày: Chị Ch và anh Phạm Văn T kết hôn vào ngày 05/04/2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Vợ chồng còn sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy hôn nhân không thể tồn tại nên chị Ch yêu cầu xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Hà Hải M, sinh ngày 12/05/2008 và Phạm Hà Hoàng K, sinh ngày 06/12/2005, hiện nay chị Ch đang

nuôi 2 con chung, ly hôn chị Ch yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng 1.500.000đ/ tháng cho 1 cháu, hai cháu là 3.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ch trình bày không có

Tại bản tự khai ngày 16/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh công nhận tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị Ch trình bày là đúng. Anh T không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, hôn nhân vẫn còn có thể cứu vãn được. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị Ch nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào các ngày 23/08/2018 và ngày 23/10/2018 nhưng không thành.

Tại phiên toà hôm nay chị Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu, anh Phạm Văn T có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo trình tự của phiên tòa sơ thẩm quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn thụ lý vụ án đề nghị khắc phục. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại thời điểm Hội đồng xét xử nghị án các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Ch, cho Chị Ch và anh Phạm Văn T được ly hôn. Giao 02 con chung là cháu Phạm Hà Hải M và cháu Phạm Hà Hoàng K cho chị Ch nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) (Mỗi cháu 1.000.000đ/tháng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết qủa tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Phạm Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch và anh T kết hôn ngày 05/4/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, không ai bị ép buộc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong công việc làm, về tính cách không phù hợp nhau nên vợ chồng không tôn trọng nhau, không có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ tháng 2/2017 đến

nay chị Ch và anh T sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Ch, cho chị Ch và anh T được ly hôn.

[4]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Hà Hoàng K, sinh ngày 06/12/2005 và Phạm Hà Hải M, sinh ngày 12/05/2008 hiện nay hai con chung đang sống với chị Ch. Chị Ch có nguyện vọng được nuôi cả hai người con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ/người con, 02 người = 3.000.000đ/ tháng. Xét yêu cầu của chị Ch phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận nhưng cần xem xét mức cấp dưỡng nuôi con. Chị Ch yêu cầu anh T cấp dưỡng cho mỗi người con 1.500.000đ/ tháng là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy cần giảm mức cấp dưỡng xuống còn 1.000.000đ/người con/tháng là đúng mức. Giao các cháu Phạm Hà Hoàng K, sinh ngày 06/12/2005 và Phạm Hà Hải M, sinh ngày 12/05/2008 cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương khai không có nên không đề cập.

[8]. Về án phí: Chị Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa chị Hà Thị Ch và anh Phạm Văn T;

2. giao con chung tên Phạm Hà Hoàng K, sinh ngày 06/12/2005 và Phạm Hà Hải M, sinh ngày 12/05/2008 cho chị Ch nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng)/người con, hai người con là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi người nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng hàng tháng nêu trên thì bên phải thi hành án phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Hà Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002508 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị Ch đã nộp xong án phí. Anh T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND xã H, huyện D, Lâm Đồng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Đình Tú